

BÀI GIẢNG: ÔN TẬP HỌC KÌ I
CHUYÊN ĐỀ: ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN
GIÁO VIÊN: TRẦN HƯƠNG GIANG

MỤC TIÊU

- ✓ Ôn tập kiến thức.

I. VĂN BẢN/ THỂ LOẠI

1 Các thể loại đã học trong từng bài

- Bài 1: Thơ và thơ song thất lục bát
 - + *Sông núi nước Nam*
 - + *Khóc Dương Khuê*
 - + *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*
- Bài 2: Truyện thơ Nôm
 - + *Cánh ngày xuân*
 - + *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*
 - + *Kiều ở lầu Ngưng Bích*
- Bài 3: Văn bản thông tin
 - + *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ*
 - + *Khám phá kì quan thế giới: thác I-go-a-du*
 - + *Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông*
- Bài 4: Truyện
 - + *Làng*
 - + *Ông lão bên chiếc cầu*
 - + *Chiếc lược ngà*
 - + *Chiếc lá cuối cùng*
- Bài 5: Nghị luận xã hội
 - + *Bàn về đọc sách*
 - + *Khoa học muôn năm*
 - + *Mục đích của việc học*

2 Kiến thức cơ bản

- a. Thể thơ song thất lục bát

- Song thất lục bát là thể thơ kết hợp giữa thơ **thất ngôn** và thơ **lục bát**; mỗi khổ gồm **bốn dòng thơ**: một cặp thất ngôn và một cặp lục bát, tạo thành một kết cấu trọn vẹn về ý cũng như về âm thanh, nhạc điệu.

- Gieo vần: Mỗi khổ thơ có **một vần trắc** và **ba vần bằng**; câu sáu chỉ có vần chân, ba câu kia vừa có vần chân vừa có vần lưng.

- Ngắt nhịp: Các câu bảy có thể ngắt nhịp **3/4** hoặc **3/2/2**, hai câu sáu – tám ngắt theo thể **lục bát**.

b. Chữ Nôm, chữ Quốc ngữ

- Chữ Nôm:

+ **Chữ viết cổ của tiếng Việt.**

+ Mạnh nha ở Việt Nam vào khoảng từ thế kỉ VIII đến thế kỉ IX, hình thành và hoàn thiện vào khoảng từ cuối thế kỉ X đến XII

+ Gồm **một số chữ mượn y nguyên chữ Hán** nhưng phần lớn là **những chữ do người Việt tạo ra trên cơ sở chữ Hán.**

+ Khó học, vì phải biết chữ Hán mới học được

- Chữ Quốc ngữ:

+ Chữ viết **ghi âm của tiếng Việt** được các nhà truyền giáo, với sự hỗ trợ của nhiều người Việt.

+ Chế tác từ thế kỉ XVII dựa trên hệ chữ cái La-tinh, được tu chỉnh, được tiếp nhận, truyền bá và hoàn thiện, ổn định để có vị thế như hiện nay

c. Truyện thơ Nôm

- Truyện thơ Nôm là **truyện thơ** được viết bằng **chữ Nôm** thường dùng thể **thơ lục bát** để kể chuyện.

- Là thể loại có khả năng **phản ánh sâu rộng hiện thực xã hội** thông qua các câu chuyện kể về biến cố trong cuộc đời các nhân vật và cuộc đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm, tình yêu của họ

- Đặc điểm nổi bật: Sự kết hợp giữa **tự sự và trữ tình**

- Cốt truyện: Đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng tác phẩm. **Mô hình cốt truyện gồm 3 chặng: Gặp gỡ - Lưu lạc (Thử thách) – Đoàn tụ**

- Nhân vật:

+ Chia thành **2 tuyến đối lập nhau**: chính diện (đại diện cho cái thiện, chính nghĩa) và các nhân vật phản diện (đại diện cho cái ác, phi nghĩa).

+ Nhân vật chính diện và phản diện thường được **xây dựng đối lập về phẩm chất** theo từng cặp, hoặc theo nhóm

+ Nhân vật chính kết nối các nhân vật ở hai tuyến chính diện và phản diện thông qua các sự kiện diễn ra trong cuộc đời mình

d. Văn bản thông tin thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

- Là loại **văn bản thông tin tập trung nêu lên vẻ đẹp và giá trị của một cảnh đẹp thiên nhiên nổi tiếng.**

Thông tin trong loại văn bản này thường được trình bày theo trật tự không gian, thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, phân loại các đối tượng hoặc so sánh và đối chiếu...

e. Người đọc và bối cảnh tiếp nhận trong đọc hiểu văn bản văn học

- Bối cảnh tiếp nhận:

+ Hoàn cảnh **hợp**: không gian, thời gian, tâm thế của người đọc...

+ Hoàn cảnh **rộng**: hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá... của thời đại mà hoạt động đọc diễn ra. ‘

→ **Suy luận, phát hiện ý nghĩa văn bản khiến ý nghĩa văn bản được mở rộng, phong phú, cập nhật.**

f. Bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội với việc đọc hiểu văn bản

- Là toàn bộ **các sự kiện lịch sử, văn hoá, xã hội** diễn ra trong một **thời gian, không gian nhất định**

- Việc tìm hiểu bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội có liên quan (hoàn cảnh ra đời tác phẩm) sẽ giúp cho người đọc **hiểu văn bản thấu đáo, sâu sắc hơn.**

II. PHẦN TIẾNG VIỆT

1 Lời đối thoại

- Là lời **các nhân vật trao đổi** với nhau trong một cuộc hội thoại.

- Trong ngôn ngữ viết, lời đối thoại thường được **đặt sau dấu gạch ngang** đầu dòng hoặc đặt trong **dấu ngoặc kép**

2 Lời độc thoại

- Là lời của nhân vật **nói với chính mình hoặc nói với một người nào đó trong tưởng tượng.**

- Độc thoại thường **diễn tả suy nghĩ, tình cảm đang diễn ra trong nội tâm nhân vật.** Nếu văn bản dẫn trực tiếp lời độc thoại thì lời độc thoại được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép.

3 Điễn cố, diễn tích

- Điễn cố là những **câu chữ trong sách đời trước** được dẫn lại một cách súc tích.

- Điễn tích là **những câu chuyện trong sách đời trước** được dẫn lại một cách cô đúc trong văn thơ

4 Tên viết tắt các tổ chức quốc tế

- Để giao dịch được thuận lợi, trong lần đầu tiên văn bản nhắc đến tên các tổ chức nói trên, người ta thường sử dụng tên viết tắt gắn với tên đầy đủ

- Trong tiếng Việt, tên viết tắt của các tổ chức quốc tế, dù viết bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp, tiếng Đức,... cũng cần được đọc theo tên chữ cái tiếng Việt

5 Cách dẫn trực tiếp và gián tiếp

- Dẫn trực tiếp là **nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ** của một người (một nhân vật). Trong ngôn ngữ nói, lời dẫn trực tiếp được đánh dấu bằng chỗ nghỉ hơi. Trong ngôn ngữ viết, lời dẫn trực tiếp được đặt **sau dấu hai chấm và trong ngoặc kép.**

- Dẫn gián tiếp là **thuật lại lời nói hay ý nghĩ của một người (một nhân vật) có điều chỉnh cho phù hợp.** Trong ngôn ngữ nói, lời dẫn gián tiếp thường không được đánh dấu bằng chỗ nghỉ hơi rõ rệt. Trong ngôn ngữ viết, lời dẫn gián tiếp không được đánh dấu bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

8 Câu

- Câu đơn là câu do **một cụm chủ vị nòng cốt** (cụm chủ vị không bị bao chứa trong cụm từ chính phụ hoặc cụm chủ vị khác) tạo thành.
- Câu ghép là câu do **hai hoặc nhiều cụm chủ vị nòng cốt ghép lại với nhau** tạo thành, mỗi cụm chủ vị đó được gọi là một vế câu.
- Phân loại câu ghép:
 - + **Câu ghép đẳng lập** là câu ghép do các vế câu có quan hệ bình đẳng với nhau tạo thành. Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau: liệt kê, nối tiếp, đối ứng, lựa chọn, ...
 - + **Câu ghép chính phụ** là câu ghép do các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành. Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau: nguyên nhân – kết quả, nhượng bộ, mục đích, chú giải...

III. PHẦN LÀM VĂN

1 Viết bài văn phân tích truyện

Mở bài

- Giới thiệu khái quát về đề tài và giá trị của tác phẩm.
- Cảm nhận chung.

Thân bài

- Giới thiệu chung: hoàn cảnh sáng tác, đề tài, tóm tắt.
- Phân tích:
 - + Nội dung: chủ đề => thông điệp; nhân vật: đặc điểm, dẫn chứng.
 - + Nghệ thuật: tình huống truyện (đơn giản/gay cấn) => tác dụng tình huống; nghệ thuật xây dựng nhân vật: lời nói, hành động, tâm lí, ...
 - + Ngôi kể + tác dụng ngôi kể.
 - + Ngôn ngữ sử dụng trong bài.
 - + Hình ảnh, chi tiết giàu tính biểu tượng
 - + ...
- Giá trị hiện thực: phản ánh bức tranh xã hội ...
- Giá trị nhân đạo: cảm thông, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp của con người.
- So sánh với các tác phẩm cùng đề tài/ cùng tác giả...

Kết bài: Khẳng định/ Tác động

2 Bài văn phân tích thơ

Mở bài

- Giới thiệu khái quát về đề tài và giá trị của tác phẩm.
- Cảm nhận chung.

Thân bài

- Giới thiệu chung: hoàn cảnh sáng tác, đề tài, vị trí.

- Phân tích:

+ Nội dung 1: A như thế nào (lí lẽ) => phân tích dẫn chứng: biện pháp tu từ, hình ảnh, ngôn ngữ,...

+ Nội dung 2: A như thế nào (lí lẽ) => phân tích dẫn chứng: biện pháp tu từ, hình ảnh, ngôn ngữ,...

- Tổng kết:

+ Khái quát đặc sắc nghệ thuật: thể thơ kết hợp biện pháp tu từ

+ Thông điệp, nội dung tác giả muốn gửi gắm là gì?

- So sánh

Kết bài: Khẳng định thành công của tác phẩm. Tác động của tác phẩm về cảm xúc, bài học.

3 Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết

Mở bài: Giới thiệu vấn đề và đánh giá vấn đề

Thân bài:

- Giải thích:

+ Giải thích từ khóa

+ Biểu hiện: ở đâu? Người nào? Lứa tuổi nào? Hành động, suy nghĩ của đối tượng?

- Tác hại của vấn đề: đối với bản thân? Những người khác? Gia đình? Xã hội?

- Nguyên nhân: chủ quan; khách quan (người khác, gia đình, xã hội)

- Giải pháp:

+ Giải pháp 1: ai? Như thế nào? Phương tiện gì? Tại sao?

+ Giải pháp 2,3: ai? Như thế nào? Phương tiện gì? Tại sao?

- Phản đề: bàn luận với ý kiến trái chiều => bảo vệ quan điểm của mình.

Kết bài:

- Khẳng định quan điểm

- Liên hệ bản thân